

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nghiệp
huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cho phép thành lập Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân; của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 506/TTr-SNV ngày 27/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã được Đại hội đại biểu lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2020-2025 của Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa thông qua ngày 06/7/2020, bao gồm: 8 Chương, 26 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Chủ tịch Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

ĐIỀU LỆ

Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND*
ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi: **Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân.**

2. Tên viết tắt: HDNTX

3. Biểu tượng của Hội (Logo): Hình quả địa cầu màu xanh, có hình bản đồ Việt Nam màu đỏ nằm trên quả địa cầu, bao quanh $\frac{1}{2}$ phía trên quả địa cầu là dòng chữ Hội Doanh nghiệp Thường Xuân.

Điều 2. Tôn chỉ và mục đích

1. Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện Thường Xuân và các cá nhân, tổ chức tự nguyện tham gia Hội.

2. Mục đích hoạt động của Hội là nhằm hợp tác, liên kết, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau trong việc phát triển nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, dịch vụ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hội viên; giúp các doanh nghiệp thành viên tiếp thu chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, nhà nước và quan hệ hợp tác với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước. Hoạt động của Hội có vai trò là cầu nối giữa các doanh nghiệp với các cơ quan quản lý Nhà nước với cấp chính quyền trong huyện, trong tỉnh, đóng góp ý kiến xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Địa vị pháp lý: Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại: Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động của Hội

1. Hội hoạt động trong phạm vi huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
2. Hội chịu sự quản lý Nhà nước của UBND huyện Thường Xuân và các sở, ngành có liên quan đến hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản, tự chủ về mặt tài chính.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Hiệp thương dân chủ và thống nhất hành động.
4. Đoàn kết, tương trợ và hợp tác bình đẳng.
5. Không vì mục đích lợi nhuận.
6. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch

vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN HỘI

Điều 8. Hội viên

1. Hội viên chính thức: Là các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn huyện Thường Xuân thuộc mọi thành phần kinh tế theo Luật doanh nghiệp Việt Nam; các tổ chức, cá nhân sinh sống và làm việc hợp pháp trên địa bàn huyện Thường Xuân, tán thành điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn đăng ký gia nhập Hội, đóng hội phí đầy đủ và được Ban Chấp hành Hội chấp thuận đều trở thành hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên danh dự: Là những tổ chức, cá nhân có uy tín, có kinh nghiệm, có công lao lớn đối với sự phát triển của các doanh nghiệp, tán thành điều lệ Hội, được Ban chấp hành Hội mời làm hội viên danh dự của Hội.

3. Hội viên liên kết là: Là các cá nhân, tổ chức, tán thành điều lệ hội có đơn xin gia nhập Hội được Ban chấp hành Hội công nhận là hội viên liên kết.

Điều 9. Nhiệm vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội;

2. Tham gia đều đặn và đầy đủ các hoạt động và sinh hoạt của Hội, đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để cùng nhau góp phần xây dựng Hội ngày càng vững mạnh.

3. Đóng hội phí đầy đủ, đúng kỳ hạn theo quy định do Đại hội của Hội hoặc Ban Chấp hành Hội đề ra (trừ hội viên danh dự).

4. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Chủ tịch, Ban Chấp hành Hội phân công;

5. Thực hiện các báo cáo có liên quan theo quy định của Hội.

Điều 10. Quyền lợi của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 11. Thủ tục vào, ra Hội

1. Tập thể cá nhân muốn vào Hội phải có đơn tự nguyện, Ban chấp hành hội xem xét quyết định kết nạp và cấp giấy chứng nhận hội viên;

2. Tư cách hội viên sẽ không còn giá trị nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp ngừng hoặc bị đình chỉ hoạt động, bị giải thể, tuyên bố phá sản;

- Hội viên tự nguyện xin rút khỏi Hội, phải có đơn xin rút ra khỏi Hội, trong vòng 30 ngày, Hội sẽ có công văn trả lời hội viên;

- Các hội viên là cá nhân khi bị tước quyền công dân. Trường hợp hội viên là tổ chức mà người đại diện pháp luật bị tước quyền công dân thì doanh nghiệp đó vẫn là hội viên của Hội và chỉ cần thay người đại diện theo pháp luật;

3. Hội viên bị khai trừ ra khỏi Hội trong các trường hợp sau:

- Hoạt động trái với quy định của pháp luật Việt Nam;

- Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Hội viên, không thực hiện đúng nghĩa vụ hoặc vi phạm nghiêm trọng những quy định, Nghị quyết của Hội;

- Hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hội, gây tổn hại đến tài chính và uy tín của Hội;

Việc khai trừ hội viên nói trên phải được sự nhất trí của trên 50% số ủy viên Ban chấp hành. Quyền và nghĩa vụ của hội viên chấm dứt sau khi Ban Chấp hành Hội ra thông báo.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG HỘI

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội gồm:

- Đại hội;
- Ban Chấp hành;
- Ban Thường trực;
- Ban Kiểm tra;
- Văn phòng và các ban chuyên môn của Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá $\frac{1}{2}$ (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội và do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo các hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường trực, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 2/3 (hai phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành Hội họp 3 (ba) một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc của trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành có yêu cầu;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường trực

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

d) Quyết định kết nạp hội viên và cho hội viên ra khỏi Hội .

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường trực mỗi tháng họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường trực;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Ban chấp hành Hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Ban chấp hành Hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Kiểm tra ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Thư ký Hội

Thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu ra. Thư ký là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, điều hành công việc hàng ngày tại Văn phòng Hội và có nhiệm vụ sau:

- Quản lý hoạt động của Văn phòng Hội;
- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo công tác với Chủ tịch Hội, Ban Chấp hành về các hoạt động của Hội; giúp Chủ tịch Hội chuẩn bị báo cáo nhiệm kỳ thông qua

Ban chấp hành. Tham mưu giúp Chủ tịch Hội tổng hợp quá trình hoạt động của Hội và chuẩn bị báo cáo trình các cấp có liên quan khi cần thiết ;

- Xây dựng quy chế hoạt động của Văn phòng, quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban chấp hành phê duyệt.

Điều 19. Văn phòng Hội

Văn phòng Hội được tổ chức và hoạt động theo quy chế do Ban chấp hành. Văn phòng Hội là cơ quan hành chính phục vụ thường xuyên các hoạt động của Hội, có nhiệm vụ như sau:

- Tổ chức và hoạt động của Văn phòng theo quy chế do Ban chấp hành quy định chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội.

- Phục vụ Ban chấp hành tổ chức các cuộc họp của Hội.

- Tìm kiếm thông tin qua nhiều kênh (báo chí, các văn bản nhà nước...) để cung cấp cho hội viên khi họ có nhu cầu.

- Ghi chép đầy đủ và minh bạch các khoản thu, chi của Văn phòng, theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ theo quy định.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 21. Tài chính của Hội

Hội hoạt động theo chế độ tự chủ về tài chính.

1. Nguồn thu gồm:

- Hội phí hàng năm của các hội viên;
- Các khoản đóng góp tự nguyện, ủng hộ của hội viên;
- Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có);
- Khoản thu từ hoạt động dịch vụ của Hội;

- Hỗ trợ của nhà nước (nếu có).

2. Các khoản chi gồm:

- Chi phí cho các hoạt động thường xuyên của Hội;
- Chi hỗ trợ các hoạt động từ thiện, xã hội;
- Chi khen thưởng, chi các hoạt động văn hóa, thể thao.
- Các chi phí cần thiết khác.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính và tài sản.

1. Tài sản của Hội được hình thành trong quá trình hoạt động. Ban Chấp hành Hội quy định việc quản lý, sử dụng tài chính và tài sản của Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính, tài sản của Hội được công khai tại hội nghị cuối năm của Ban Chấp hành. Ban Kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra việc thu chi tài chính của Hội và báo cáo tại Hội nghị thường niên của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có thành tích xuất sắc, tham gia đóng góp xây dựng phát triển Hội, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa xã hội của huyện và các phong trào hoạt động từ thiện, xã hội được Ban chấp hành Hội quyết định khen thưởng hàng năm; đồng thời đề nghị các cấp, các ngành, địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Kỷ luật

Các tổ chức và cá nhân là hội viên có những hành vi làm tổn hại đến uy tín, danh dự của Hội, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội hoặc đề nghị cơ quan pháp luật truy cứu trách nhiệm.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Việc sửa đổi bổ sung điều lệ Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân phải được Đại hội toàn thể hội viên Hội thông qua và phải được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt mới có giá trị.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân gồm 8 (tám) Chương, 26 (hai sáu) điều đã được Đại hội đại biểu lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2020 - 2025, thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ký Quyết định phê duyệt;

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Doanh nghiệp huyện Thường Xuân, có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.